

Bản án số: 02/2021/HNGĐ- ST  
Ngày: 17/3/2021  
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Minh.
2. Ông Hoàng Văn Tứ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2020/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1970.

Đều ĐKKHKT: khu dân cư N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Ông H và bà B đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày: ông và bà B tự nguyện kết hôn và có đăng ký ngày 14/12/2018 tại UBND xã T, thị xã C (nay là phường T, thành phố C). Quá trình chung sống được vài tháng thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì những lý do nhỏ nhặt. Ông đã nhẫn nhịn nhưng bà B vẫn tiếp tục gây sự, thậm chí bà B còn lên công ty nơi ông làm việc phá phách, gây ảnh hưởng đến công việc của ông. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay, ông ở công ty

không về nhà chung sống với bà B. Đến nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày: trước đây ông và bà đều có gia đình riêng. Sau khi bà ly hôn với chồng, vợ ông H chết thì ông bà kết hôn với nhau. Do thời gian tìm hiểu ngắn nên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng cãi nhau vì những sinh hoạt nhỏ nhặt hàng ngày. Khi ông H ở công ty không về nhà, bà có lên tìm và giữa hai người xảy ra cãi nhau. Từ đó đến nay ông H không về nhà nữa, vợ chồng sống ly thân. Nay ông H muốn ly hôn thì bà muốn vợ chồng được nói chuyện rõ ràng rồi mới quyết định.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện khu dân cư N, phường T xác định: vợ chồng ông H và B chỉ sống yên ổn một thời gian rồi nảy sinh mâu thuẫn, xuất phát từ việc cãi nhau hàng ngày. Từ tết âm lịch năm 2019 đến nay thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Ông H làm việc và ở lại công ty, không chung sống với bà B.

Tại phiên tòa, ông H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn bà B. Bà B xác định nếu ông H cứ kiên quyết ly hôn thì bà cũng không còn cách nào khác, chỉ đề nghị ông H hỗ trợ khoản tiền 10.000.000 đồng là chi phí bà đã bỏ ra điều trị đẻ sinh con nhưng không được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn bà Nguyễn Thị B.

Về con chung, về tài sản chung: không đề nghị giải quyết.

Về án phí: ông H được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn H khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị B có địa chỉ thường trú tại phường T, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: ông H và bà B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 14/12/2018 tại UBND xã T, thị xã C (nay là phường T, thành phố C), tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau một thời gian ngắn chung sống, đến Tết âm lịch năm 2019 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời gian tìm hiểu ngắn nên khi cùng chung sống đã có nhiều bất đồng, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tình trạng này diễn ra trong một thời gian dài khiến cuộc sống vợ chồng rất nặng nề. Kể từ tháng 7 năm 2020, vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Bà B không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp tích nào để khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình trạng vợ chồng. Tòa án cũng tạo điều kiện để vợ chồng hòa giải nhưng bà B không có mặt hoặc có mặt nhưng không làm việc với Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên Tòa án không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[2.5]. Đối với yêu cầu của bà B về việc ông H hỗ trợ bà số tiền 10.000.000 đồng: Tại phiên tòa, ông H xác định có vay quỹ tín dụng nhân dân phường T số tiền 30.000.000 đồng và đưa cho bà B 20.000.000 đồng để chi tiêu và làm thủ tục đi lao động nước ngoài. Đến nay ông đã tự mình thanh toán trả Quỹ tín dụng số tiền 30.000.000 đồng nên ông không đồng ý hỗ trợ bà B số tiền 10.000.000 đồng. Yêu cầu của bà B không thuộc trường hợp được xem xét khi

Tòa án giải quyết việc ly hôn nên Tòa án không có căn cứ giải quyết yêu cầu này.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn bà Nguyễn Thị B.
2. Về con chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.
4. Về án phí: Ông H được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường T, TP C;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Ngọc Hà**